CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

FireAnt

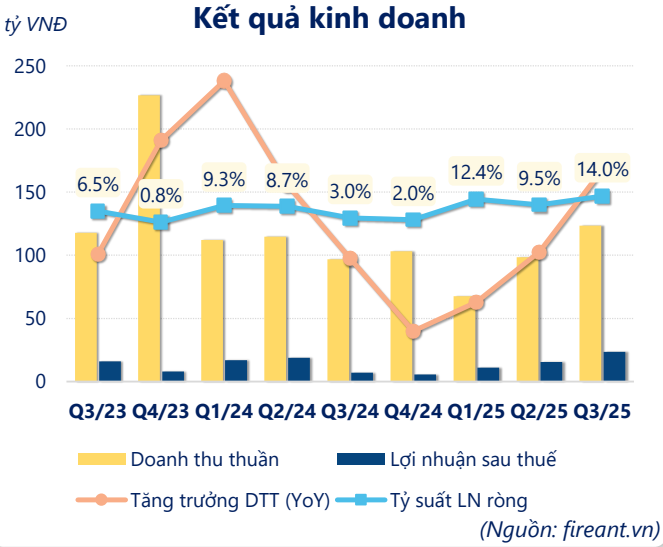
Ngày 30/09/2025	12,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**4.3%**	**-0.8%**

ROE — Q3/25: **4.3%** | +/- YoY: ▲ 1.4%

	Q3/25	QoQ	YoY
DT thuần	124 tỷ VNĐ	▲ 25.6 ▲ 25.5%	▲ 27.1 ▲ 27.5%
LN gộp	45.7 tỷ VNĐ	▼ 1.20 ▼ 2.6%	▲ 15.8 ▲ 52.8%
LN thuần	28.9 tỷ VNĐ	▲ 11.7 ▲ 68.1%	▲ 19.3 ▲ 200%
LN sau thuế	23.5 tỷ VNĐ	▲ 8.00 ▲ 51.3%	▲ 16.5 ▲ 235%

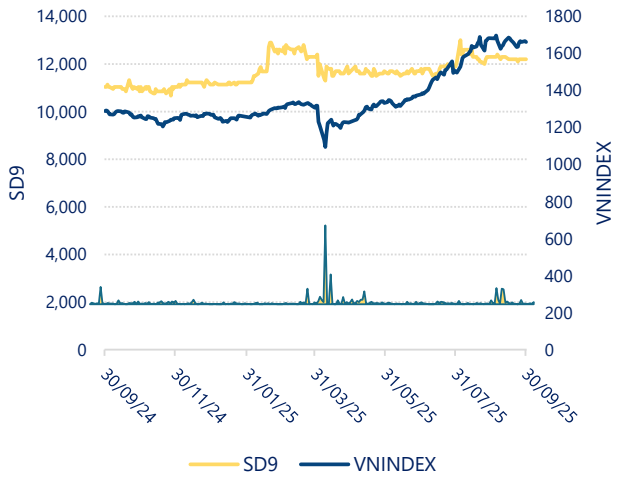
	9T 2025	YoY
DT thuần	289 tỷ VNĐ	▼ 35.0 ▼ 10.6%
LN gộp	123 tỷ VNĐ	▼ 1.00 ▼ 1.4%
LN thuần	58.8 tỷ VNĐ	▲ 2.10 ▲ 3.8%
LN sau thuế	49.9 tỷ VNĐ	▲ 7.10 ▲ 16.5%

Kết quả kinh doanh



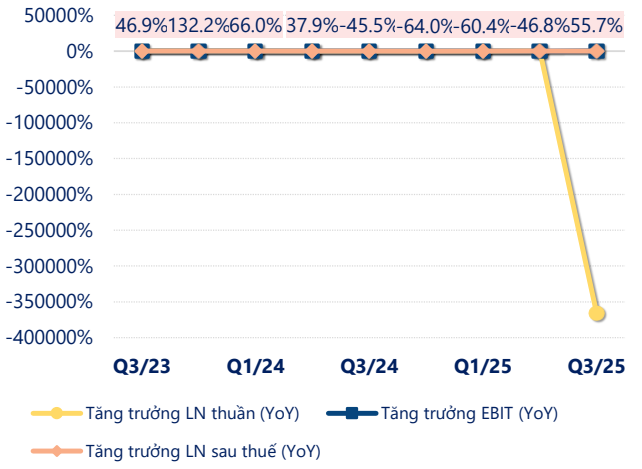
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



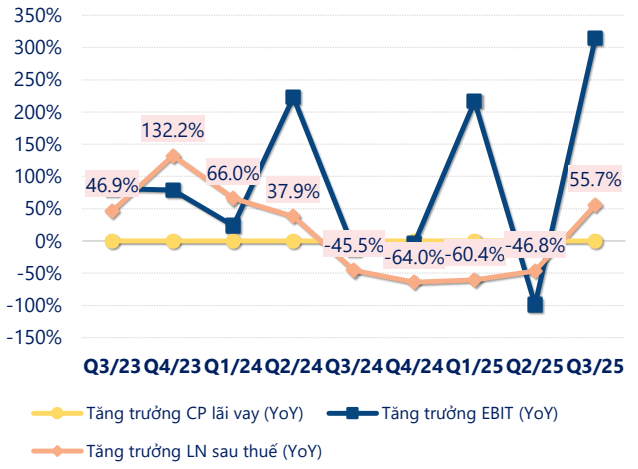
CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

Tăng trưởng lợi nhuận



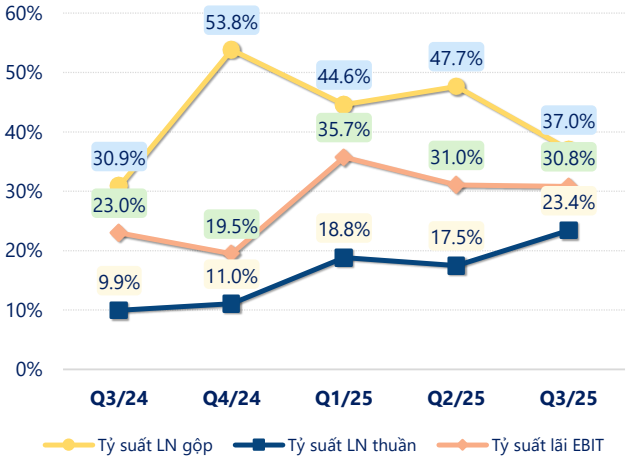
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



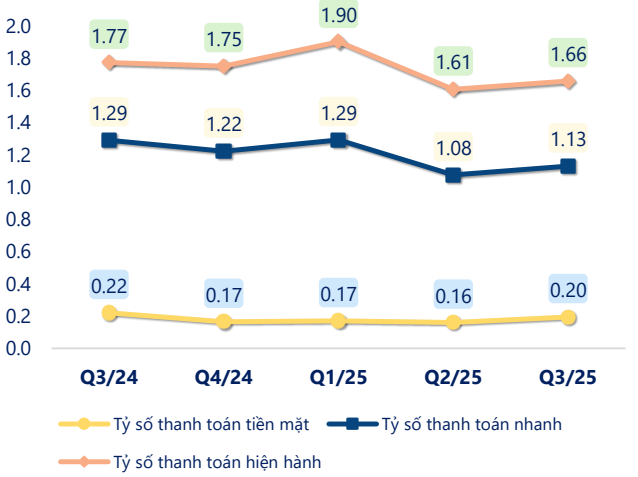
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



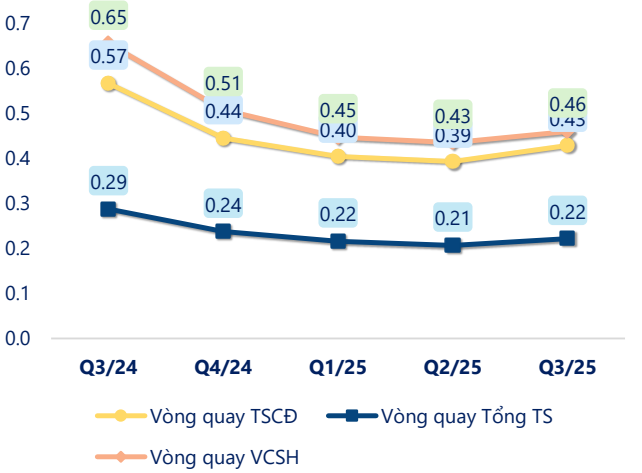
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



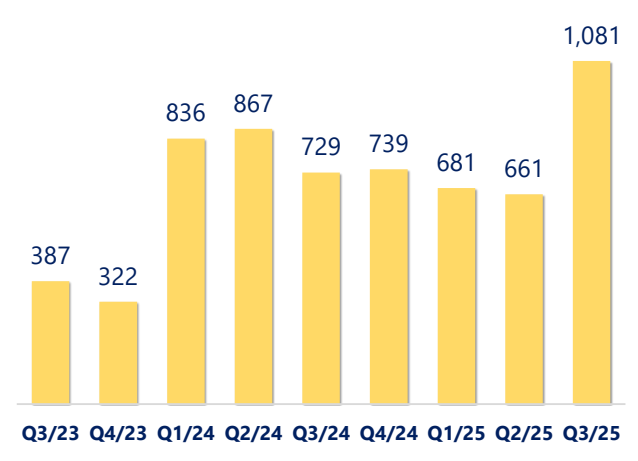
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

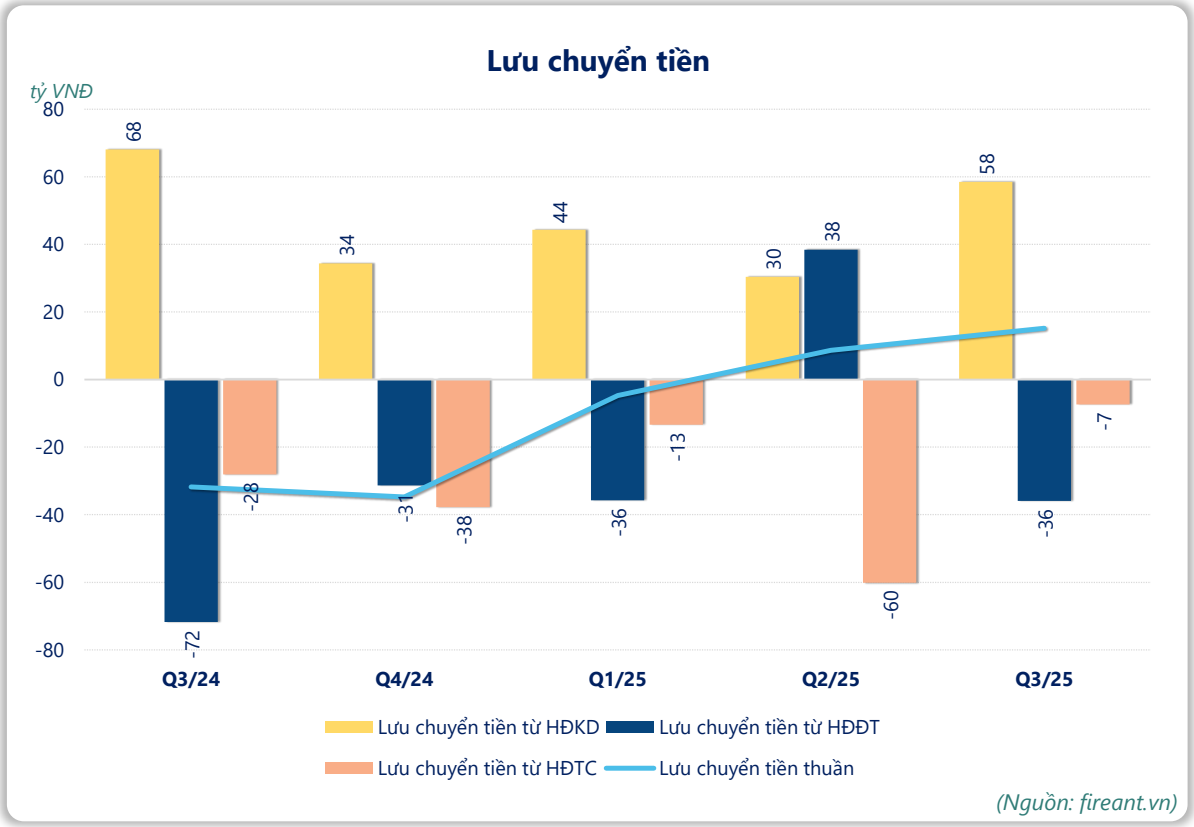


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**124**	**96.9**	**27.5%**	**289**	**324**	**-10.6%**
Giá vốn hàng bán	77.8	67.0	16.2%	167	199	-16.3%
Lợi nhuận gộp	45.7	29.9	52.8%	123	124	-1.4%
Doanh thu HĐTC	1.67	0.97	72.1%	5.00	2.56	95.1%
Chi phí TC	11.4	13.2	-13.4%	35.0	45.9	-23.7%
Chi phí lãi vay	11.3	13.2	-14.2%	34.9	41.0	-14.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**7.02**	**8.05**	**-12.8%**	**33.9**	**24.5**	**38.4%**
LN thuần từ HĐKD	28.9	9.64	200%	58.8	56.7	3.8%
Lợi nhuận khác	**-2.19**	**-0.52**	**-320%**	**-0.99**	**-2.12**	**53.1%**
LN trước thuế	26.7	9.12	193%	57.8	54.6	6.0%
Lợi nhuận sau thuế	**23.5**	**7.01**	**235%**	**49.9**	**42.8**	**16.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.3**	**2.89**	**497%**	**35.0**	**23.3**	**50.2%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)